TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:* Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 608/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1985 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn*: Ông **Bùi Văn N1**, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn N1 kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/6/2023. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông N1 sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông N1

thường xuyên cự cãi về vấn đề bà thăm con riêng, ông N1 ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập bà. Bà đã có ông N1 rất nhiều cơ hội nhưng ông N1 vẫn không sửa đổi. Bà và ông N1 đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N1 nên xin được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N1 không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông N1 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông N1 có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông N1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có; ông N1 vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với ông Bùi Văn N1. Theo các Công văn ngày 14/01/2025 và số 54/CAX ngày 06/02/2025 của Công an xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre thì ông N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; theo các Biên bản xác minh ngày 05/02/2025 và ngày 28/3/2025 thì ông N1 có thường xuyên có về địa chỉ ấp A, xã Ha, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N1.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nhàn và ông N1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/6/2023 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà N trình bày thì sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông N1 sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông N1 thường xuyên cự cãi về vấn đề bà thăm con riêng, ông N1 ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập bà; bà đã có ông N1 rất nhiều cơ hội nhưng ông N1 vẫn không sửa đổi; bà và ông N1 đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay; nay bà xác định không còn tình cảm với ông N1 nên xin được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời ông N1 đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông N1 đều vắng mặt, không có lý do. Theo Biên bản xác minh ngày 05/02/2025 thì bà N và ông N1 thường xuyên cự cãi nhau và hiện đã sống ly thân.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà N và ông N1 đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà N và ông N1 đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà N vẫn kiên quyết xin ly hôn; ông N1 đều vắng mặt, không có lý do, điều này thể hiện ông N1 đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N. Mặt khác, bà N và ông N1 đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà N và ông N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông N1.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Bà N khai không có; ông N1 vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Bùi Văn N1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị N trình bày không có; ông Bùi Văn N1 vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Lê Thị N phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007438 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Thị N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến